

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 03-6-2021

V/v tranh chấp về chia tài sản
của nam, nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Trương Thị Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2021, về việc: “Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 98/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967, cư trú tại: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, cư trú tại: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Quốc P, sinh năm 1967, cư trú tại: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1979, cư trú tại: Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* ông Hoàng Quốc P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-11-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01-6-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Hoàng Quốc P chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông P có 02 con chung nhưng đều đã chết nên bà đồng ý để ông P quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác để kiếm con nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2010, bà và ông P sống ly thân 06 tháng, sau đó về chung sống lại với nhau, đến năm 2019, bà và ông P tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn giữa bà và ông P theo quy định của pháp luật.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà và ông P tạo lập được các tài sản chung và bà yêu cầu chia đôi tài sản chung như sau:

Phần đất thứ nhất: Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) là 2.051 m², diện tích thực tế là 2.096 m², tại thửa đất số 134 (thửa đất mới số 34), tờ bản đồ số 63 (tờ bản đồ mới số 22), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do bà và ông P đứng tên trong GCNQSDĐ (từ đây gọi tắt là phần đất thứ nhất). Tài sản trên phần đất này gồm có 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 54,4 m²; 01 mái che phía trước nhà cấp 4 có diện tích 55 m²; 01 mái che phía sau nhà cấp 4 có diện tích 35 m²; xung quanh mái che phía sau nhà cấp 4 rào lưới B40 có chiều dài 15,5 m, chiều cao 1,5 m (trong đó xây chân gạch cao 0,4 m) là tài sản riêng của ông P; 01 nhà tạm làm chuồng nuôi gà có diện tích 59 m²; 75 cây cao su trồng khoảng năm 1994, 1995; 01 bụi chuối gồm 08 cây và 02 cây chuối riêng lẻ; 03 cây mai vàng đường kính gốc từ 05 cm đến 10 cm; 01 cây Điều; 02 cây Dừa.

Nay bà yêu cầu chia đôi diện tích đất này nhưng do phần đất này có 01 nhà tạm được cất trên giữa đất nên bà yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích 1.213,7 m² (chiều ngang 24,07 m X chiều dài hết đất) và tài sản trên diện tích đất này, còn ông P được chia diện tích đất còn lại là 882,3 m² (chiều ngang 19,25 m X chiều dài hết đất) trồng cao su từ mép nhà tạm về hướng đất của ông Lê Quốc A.

Phần đất thứ hai: Diện tích theo GCNQSDĐ là 7.559 m², diện tích thực tế là 7.525,3 m², tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do bà và ông P đứng tên trong GCNQSDĐ (từ đây gọi tắt là phần đất thứ hai). Trên phần đất này có 472 cây cao su. Bà yêu cầu chia đôi phần đất này nhưng bà yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích chiều ngang 23,6 m X chiều dài hết đất, giáp đất ông Lê Quốc A. Trong phần đất thứ nhất và thứ hai, ai được hưởng giá trị nhiều hơn thì có nghĩa vụ trả lại giá trị chênh lệch cho người kia.

Phần đất thứ ba: Diện tích theo GCNQSDĐ là 125,7 m², diện tích thực tế là 125,5 m², tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D đứng tên trong GCNQSDĐ (từ đây gọi tắt là phần đất thứ ba). Trên phần đất này có 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 25,7 m²; 01 cây mít; 01 cây chuối. Bà đồng ý giao cho ông P toàn bộ đất và tài sản trên phần đất này. Ông P có nghĩa vụ trả cho bà ½ giá trị đất và tài sản trên phần đất này. Ngoài ra, bà và ông P không còn tài sản chung nào khác.

Bị đơn ông Hoàng Quốc P trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị X về thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa ông và bà X theo quy định của pháp luật.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông cho rằng, trong quá trình chung sống, ông và bà X không tạo lập được tài sản chung nào. Về phần đất thứ nhất và phần đất thứ hai có nguồn gốc do chị của ông là bà Hoàng Thị K nhận chuyển nhượng của ông Trần Quang Vinh và bà Hà Thị Mão vào năm 1993. Sau đó, bà K cho cha mẹ ông. Do gia đình ông có một mình ông là con trai nên cha mẹ ông cho ông được hưởng 02 phần đất này. Khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, do ông và bà X đang chung sống với nhau nên ông để cho bà X cùng đứng tên trong GCNQSDĐ. Đối với phần đất thứ ba và 01 nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất này là tài sản riêng của ông nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn S, bà Hoàng Thị D để cho bà X khi ông và bà X ly thân năm 2010. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu chia tài sản chung của bà X. Vì năm 2010 và năm 2019, ông và bà X đã chia tài sản chung có làm văn bản thỏa thuận gửi đến Ban nhân dân ấp Tân Trường giải quyết nhưng chưa công chứng, chứng thực tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cụ thể:

Năm 2010, ông và bà X thỏa thuận chia phần đất thứ nhất và phần đất thứ hai cùng toàn bộ tài sản trên hai phần đất này chia làm 03 phần, 01 phần cho ông, 01 phần để lo hương khói cho tổ tiên (ông nhận để lo hương khói), 01 phần cho bà X, mỗi phần trị giá là 73.000.000 đồng; tiền mặt và vàng của ông và bà X có được là 58.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K 9999 chia 2 thì mỗi người được hưởng 29.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K 9999. Theo văn bản thỏa thuận của hai bên thì ông có nghĩa vụ đưa cho bà X 102.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999 (bao gồm 73.000.000 đồng là 1/3 giá trị 02 phần đất và tài sản trên đất ông mua lại; 29.000.000 đồng là tiền mặt và 03 chỉ vàng 24k 9999 ông phải trả cho bà X). Hai bên đã giao vàng, giao đất cho nhau theo đúng thỏa thuận trên; về tiền mặt thì ông đưa cho bà X 101.000.000 đồng, còn nợ bà X 1.000.000 đồng. Ngoài ra, ông có mua 01 xe mô tô biển số 70R5 2889; 01 điện thoại di động Nokia (loại gì thì ông không rõ); nhận chuyển nhượng phần đất thứ 03 của ông Sơn, bà Diễm để ông xây nhà trên phần đất này cho bà X có chỗ ở.

Khoảng năm 2012, bà X xin về thấp hương và xin về ở nhờ nuôi gà thì ông đồng ý nhưng kinh tế riêng, làm ăn riêng. Đến năm 2019, ông và bà X tiếp tục sống ly thân và ông tiếp tục chia thêm cho bà X trong phần đất thứ nhất diện tích chiều ngang 02 mét X chiều dài hết đất, giáp đất ông Lê Quốc A để làm đường đi (đất trồng cây lâu năm) nhưng không làm văn bản thỏa thuận và trong phần đất thứ hai ông chia cho bà X diện tích chiều ngang 23,6 mét X chiều dài hết đất, giáp đất ông Lê Quốc A, trên đất có 05 hàng cây cao su (có làm văn bản thỏa thuận). Nay ông chỉ đồng ý chia cho bà X như thỏa thuận của các năm 2010, 2019. Cụ thể: Trong phần đất thứ nhất, ông đồng ý chia cho bà X chiều ngang 02 m X chiều dài hết đất giáp đất ông Lê Quốc A (đất trồng cây lâu năm); phần đất thứ hai, ông đồng ý chia cho bà X diện tích chiều ngang 23,6 m X chiều dài hết đất giáp đất ông Lê Quốc A, trên đất có 05 hàng cây cao su; phần

đất thứ ba, ông đồng ý chia cho bà X toàn bộ phần đất và tài sản trên phần đất này. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản chung của bà X thì ông yêu cầu bà X trả cho ông 101.000.000 đồng, giá trị 03 chỉ vàng 24K 9999 tại thời điểm xét xử, giá trị điện thoại NoKia là 3.500.000 đồng, giá trị chiếc xe Wave là 3.500.000 đồng và tiền lãi của tổng số tiền bà X phải trả theo quy định của pháp luật từ ngày 15-6-2010 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D trình bày:

Khoảng năm 2009, 2010, khi ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X ly thân và thỏa thuận chia tài sản chung thì ông, bà có chuyển nhượng cho một mình ông P diện tích chiều ngang 05 m X chiều dài 29 m, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do ông, bà đứng tên trong GCNQSDĐ. Trên đất chỉ có 01 nhà xây cấp 4, mái tole, vách tường xây, nền xi măng, ngoài ra không còn tài sản trên đất nào khác. Giá chuyển nhượng là 35.000.000 đồng, ông, bà đã nhận tiền chuyển nhượng của một mình ông P. Mục đích ông P nhận chuyển nhượng đất của ông, bà để chia cho bà X khi ông P và bà X sống ly thân. Ông, bà và ông P chỉ nói miệng chuyển nhượng và ông P đưa tiền chuyển nhượng 35.000.000 đồng cho ông, bà, không làm giấy tờ gì cả. Hiện tại GCNQSDĐ đối với phần đất ông, bà chuyển nhượng cho ông P thì ông, bà đang đứng tên và không thể chấp cho cơ quan, tổ chức cá nhân nào để vay vốn. Do ông, bà chỉ chuyển nhượng cho một mình ông P và một mình ông P trả tiền chuyển nhượng cho ông, bà nên nay ông, bà chỉ đồng ý làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho một mình ông P đối với phần đất trên.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 98/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 14, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 210, 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Quốc P là vợ, chồng. Việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Quốc P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2. Về con chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Quốc P khai không có.

3. Về tài sản chung:

3.1. Bà Nguyễn Thị X được quyền sở hữu và sử dụng:

- Quyền sử dụng đất diện tích 91,2 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 134 (thửa đất mới số 34), tờ bản đồ số 63 (tờ bản đồ mới số 22) do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X đứng tên ngày 08-7-2009; có tứ cận: Đông giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia dài 45,68 m; Tây giáp đất ông Lê Quốc A dài 45,56 m; Nam giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia tại thửa đất số

27 dài 02 m; Bắc giáp đường Tân Hiệp 26 dài 02 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (kèm theo sơ đồ thửa đất).

- Quyền sử dụng đất diện tích 3.305,7 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 22 do Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X đứng tên ngày 26-5-2016; có tứ cận: Đông giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia dài 141,77 m; Tây giáp đất ông Lê Quốc A dài 133,08 m; Nam giáp đất ông Lê Quốc A dài 23,6 m; Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia tại thửa đất số 134 (thửa đất mới 34) dài 02 m, giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia tại thửa đất số 134 (thửa đất mới 34) các đoạn dài 17,25 m, 2,61 m, 1,74 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có 280 cây cao su (kèm theo sơ đồ thửa đất).

- Quyền sử dụng đất diện tích 125,5 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 50 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D đứng tên ngày 17-10-2019; có tứ cận: Đông giáp đất bà Tỷ dài 25,22 m; Tây giáp đất ông Thái Văn Phước Hậu dài 11,78 m, giáp đất ông Nguyễn Văn Luân dài 13,43 m; Nam giáp đường Tân Hiệp 26 dài 5,47 m; Bắc giáp đất bà Trương Thị Yên dài 4,51 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4, diện tích 25,7 m², kết cấu: móng, cột xây bằng gạch, không tô trát vữa xây, nền xi măng, không có trần, mái lợp tole, cửa chính, cửa sổ khung gỗ, gắn tole; 01 cây mít; 01 cây chuối (kèm theo sơ đồ thửa đất).

3.2. Ông Hoàng Quốc P được quyền sở hữu và sử dụng:

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.004,8 m², trong đó đất trồng cây lâu năm là 1.604,8 m², đất ở nông thôn là 400 m², tại thửa đất số 134 (thửa đất mới số 34), tờ bản đồ số 63 (tờ bản đồ mới số 22) do Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X đứng tên ngày 08-7-2009; có tứ cận: Đông giáp đất bà Bùi Thị Hạnh dài 41,88 m, giáp đất ông Hoàng Văn Ước dài các đoạn 3,91 m, 3,27 m; Tây giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia dài 45,68 m; Nam giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia tại thửa đất số 27 dài các đoạn 17,25 m, 2,61 m, 1,74 m, giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia tại thửa đất số 27 dài 25,32 m; Bắc giáp đường Tân Hiệp 26 dài 41,32 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có nhà xây cấp 4, diện tích 54,4 m², kết cấu: móng, cột xây bằng gạch, ngoài tô trát vữa xây, nền gạch men, trần tole lạnh, mái lợp tole, cửa chính, cửa sổ bằng khung sắt; 01 mái che phía trước nhà cấp 4 có diện tích 55 m², kết cấu: cột sắt tròn, khung sắt tiền chế, lợp tole; 01 mái che phía sau nhà 4 có diện tích 35 m², kết cấu: cột sắt tròn, khung sắt tiền chế, lợp tole; xung quanh mái che phía sau nhà cấp 4 rào lưới B40 có diện tích chiều dài 15,5 m, chiều cao 1,5 m (trong đó xây chân gạch cao 0,4 m); 01 nhà tạm làm chuồng nuôi gà có diện tích 59 m², kết cấu: móng xây gạch, cột gỗ, mái lợp tole, khung gỗ, nền gạch tàu; 75 cây cao su; 01 bụi chuối gồm 08 cây và 02 cây chuối riêng lẻ; 03 cây mai vàng đường kính gốc từ 05 cm đến 10 cm; 01 cây Điều; 02 cây Dừa (kèm theo sơ đồ thửa đất).

- Quyền sử dụng đất diện tích 4.219,6 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 22 do Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X đứng tên ngày 26-5-2016; có tứ cận: Đông giáp đất ông Hoàng Văn Ước dài các đoạn 72,78 m, 29,19 m, giáp đất bà Hoàng Thị Dưỡng dài 40,29 m; Tây giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia dài 141,77 m; Nam giáp đất ông Lê Quốc A dài các đoạn 14,65 m, 1,5 m, 15,72 m; Bắc giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia tại thửa đất số 134 (thửa đất mới 34) dài 25,32 m, giáp đất ông Hoàng Văn Ước dài 4,57 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có 192 cây cao su (kèm theo sơ đồ thửa đất).

Kiến nghị Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như bản án đã tuyên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, ông Hoàng Quốc P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Ông Phụng và bà X trả lại cho bà Hoàng Thị K 02 phần đất diện tích 2.051 m² và 7.559 m².

+ Phần đất diện tích 125,5 m² đồng ý chia cho bà X theo biên bản thỏa thuận phân chia tài sản.

+ Căn nhà cấp 4 diện tích 55 m² thuộc sở hữu của ông P; căn nhà cấp 4 diện tích 25,7 m² thuộc sở hữu bà X, phần hoa màu còn lại và nhà tạm tất cả chia đôi.

+ Xem xét lại phần án phí.

Ngày 30-3-2021 bà Hoàng Thị K là chị của ông Hoàng Quốc P khiếu nại cho rằng phần đất thứ 1 và phần đất thứ 2 là của bà, bà yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do không đưa bà tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Xuân vẫn giữ yêu cầu khởi kiện

Ông Phụng vẫn giữ yêu cầu kháng cáo

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị X đối với phần đất được chia diện tích 125,5 m² mà ông Sơn và bà Diễm đứng tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 13 tháng 01 năm 2021, ông Hoàng Quốc P có đơn kháng cáo đối với Bản án 98/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020, của

Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Ngày 18 tháng 01 năm 2021, ông P nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho Tòa án, do đó kháng cáo của ông P là hợp lệ theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Quốc P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh chấp. Năm 2010, bà X và ông P sống ly thân, tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung, sau đó về chung sống lại với nhau. Đến năm 2019, phát sinh mâu thuẫn tiếp tục ly thân.

Nay bà X làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa bà và ông P theo quy định của pháp luật, đồng thời có yêu cầu chia đôi tài sản chung giữa bà và ông P.

Bị đơn ông P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X chỉ đồng ý chia tài sản theo các văn bản thỏa thuận chia tài sản chung giữa ông và bà Phượng năm 2010 và năm 2019.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà X. Ông Phượng không đồng ý chia cho bà X theo bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Hoàng Quốc P thấy rằng:

Ông yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất diện tích 2.051 m², thửa số 134, (phần đất thứ 1) và diện tích 7.559 m² thửa đất số 27, (phần đất thứ 2) cho bà Hoàng Thị K là chị ruột của ông P, vì ông cho rằng hai phần đất trên có nguồn gốc từ bà K nhận chuyển nhượng của ông Trần Quang Vinh và bà Hà Thị Mão, sau đó bà K tặng cho cha ruột ông P là ông Hoàng Văn Tương, mục đích việc tặng cho là để ông có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ đồng thời có trách nhiệm hương khói cho tổ tiên. Do đó ông và bà X không có quyền chia đôi với tài sản này.

Ngoài ra, ông P cho rằng phần đất thứ 1 và phần đất thứ 2 là tài sản riêng của ông nên ông không chấp nhận yêu cầu của bà X mà yêu cầu trả lại cho bà K 02 phần đất này.

Thấy rằng: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01999.1166/QĐ-UB ngày 08/7/2009 của UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng phần đất diện tích 2051,0 m², thửa đất số 134, tờ bản đồ số 63 tọa lạc xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 10597 ngày 26/5/2016 của UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng phần đất diện tích 7559 m², thửa đất số 27, tờ bản đồ số 22 tọa lạc xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ông Phượng cho rằng 02 phần đất này là tài sản riêng của ông nhưng ông đã để cho bà X cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên có cơ sở xác định 02 phần đất này là tài sản chung của ông và bà X.

Tuy nhiên vào năm 2010 và năm 2019 giữa ông P và bà X có thỏa thuận việc phân chia tài sản chung trên cơ sở tự nguyện, việc phân chia tài sản này đã được các bên thừa nhận, về hình thức văn bản phân chia tài sản chung chưa phù hợp, nhưng bà X và ông P gần như đã thực hiện xong sự thỏa thuận này và trong

quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của ông P tại Biên bản lấy lời khai ngày 08-7-2020 (bút lục 39-40), Biên bản hòa giải ngày 08-10-2020 (bút lục 127-129), biên bản lấy lời khai ngày 17-11-2020 (bút lục 150-149) và tại phiên tòa sơ thẩm ý chí của ông P đều thống nhất thể hiện đồng ý chia cho bà X như sau:

Đối với phần đất thứ 1 chia cho bà X ngang 2m x dài hết đất (để làm đường đi), phần đất thứ 2 chia cho bà X ngang 23,6m x dài hết đất, phần đất thứ 3 chia cho bà X toàn bộ diện tích 125,5 m² đất và căn nhà cấp 4 trên đất.

Hiện tại bà X và ông P vẫn đang quản lý tài sản, khai thác mỏ cao su theo sự thỏa thuận này. Nay ông P kháng cáo yêu cầu trả lại cho bà Hoàng Thị K 02 phần đất diện tích 2.051 m² và 7.559 m² (phần đất 1, phần đất 2) là không có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông P đã thống nhất kết quả đo đạc và thẩm định giá tài sản tranh chấp nên căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cấp sơ thẩm đã tính án phí chia tài sản đúng quy định nên không chấp nhận kháng cáo về án phí của ông P.

Đối với phần đất diện tích 125,5 m² do ông Sơn và bà Diễm đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chia cho bà X, cấp sơ thẩm không buộc ông Sơn và bà Diễm đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X là thiếu sót nhưng không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quyết định này, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với khiếu nại của bà K cho rằng 02 phần đất này là của bà, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do không đưa bà tham gia tố tụng thấy rằng: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08-7-2020 ông P trình bày *“Phần đất thứ 1 và thứ 2 là do chị ruột tên Hoàng Thị Khương nhận chuyển nhượng của ông Trần Quang Vinh và bà Hà Thị Mão..., bà K cho cha mẹ đứng tên, do gia đình chỉ có một mình tôi là con trai nên cha mẹ và các chị em nhường cho tôi được hưởng 02 phần đất này. Khi làm giấy do ông và bà X đang chung sống với nhau nên làm thủ tục vẫn cho bà X đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”* và tại Biên bản lấy lời khai ngày 19-10-2020 bà K trình bày *“Năm 1993 tôi nhận chuyển nhượng 02 phần đất trên của ông Trần Quang Vinh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó tôi để cho cha tôi ...và cho em Phụng sinh sống từ năm 1993 cho đến nay”, “Tôi cho 02 phần đất trên cho riêng Phụng, còn Phụng để cho bà X cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 phần đất trên thì tôi không biết”, “Tôi cho riêng Phụng và cha của tôi, chứ tôi không cho bà X”*. Thể hiện bà K đã cho riêng ông P 02 phần đất này và không tranh chấp 02 phần đất này nên cấp sơ thẩm không đưa bà K vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật, mặc khác hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P, bà X thể hiện cấp lần đầu, nguồn gốc đất là đất Công ty cao su Tân Biên cho sử dụng từ năm 1990, được giao đất theo phương án số 01 và quyết định phê duyệt phương án số 2096a/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh do đó không có cơ sở chấp nhận khiếu nại của bà K.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là phù hợp nhưng không cần thiết để sửa bản án sơ thẩm như nhận định trên.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Quốc P;

- Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 98/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ Điều 14, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 210, 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Quốc P là vợ, chồng. Việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Quốc P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2.2. Về con chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Quốc P khai không có.

2.3. Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị X được quyền sở hữu và sử dụng:

- Quyền sử dụng đất diện tích 91,2 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 134 (thửa đất mới số 34), tờ bản đồ số 63 (tờ bản đồ mới số 22) do Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X đứng tên ngày 08-7-2009; có tứ cận: Đông giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia dài 45,68 m; Tây giáp đất ông Lê Quốc A dài 45,56 m; Nam giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia tại thửa đất số 27 dài 02 m; Bắc giáp đường Tân Hiệp 26 dài 02 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (kèm theo sơ đồ thửa đất).

- Quyền sử dụng đất diện tích 3.305,7 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 22 do Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X đứng tên ngày 26-5-2016; có tứ cận: Đông giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia dài 141,77 m; Tây giáp đất ông Lê Quốc A dài 133,08 m; Nam giáp đất ông Lê Quốc A dài 23,6 m; Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia tại thửa đất số 134 (thửa đất mới 34) dài 02 m, giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia tại thửa đất số 134 (thửa đất mới 34) các đoạn dài 17,25 m, 2,61 m, 1,74 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có 280 cây cao su (kèm theo sơ đồ thửa đất).

- Quyền sử dụng đất diện tích 125,5 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 50 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D đứng tên

ngày 17-10-2019; có tứ cận: Đông giáp đất bà Tý dài 25,22 m; Tây giáp đất ông Thái Văn Phước Hậu dài 11,78 m, giáp đất ông Nguyễn Văn Luân dài 13,43 m; Nam giáp đường Tân Hiệp 26 dài 5,47 m; Bắc giáp đất bà Trương Thị Yên dài 4,51 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4, diện tích 25,7 m², kết cấu: móng, cột xây bằng gạch, không tô trát vữa xây, nền xi măng, không có trần, mái lợp tole, cửa chính, cửa sổ khung gỗ, gắn tole; 01 cây mít; 01 cây chuối (kèm theo sơ đồ thửa đất).

Ông Hoàng Quốc P được quyền sở hữu và sử dụng:

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.004,8 m², trong đó đất trồng cây lâu năm là 1.604,8 m², đất ở nông thôn là 400 m², tại thửa đất số 134 (thửa đất mới số 34), tờ bản đồ số 63 (tờ bản đồ mới số 22) do Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X đứng tên ngày 08-7-2009; có tứ cận: Đông giáp đất bà Bùi Thị Hạnh dài 41,88 m, giáp đất ông Hoàng Văn Ước dài các đoạn 3,91 m, 3,27 m; Tây giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia dài 45,68 m; Nam giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia tại thửa đất số 27 dài các đoạn 17,25 m, 2,61 m, 1,74 m, giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia tại thửa đất số 27 dài 25,32 m; Bắc giáp đường Tân Hiệp 26 dài 41,32 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có nhà xây cấp 4, diện tích 54,4 m², kết cấu: móng, cột xây bằng gạch, ngoài tô trát vữa xây, nền gạch men, trần tole lạnh, mái lợp tole, cửa chính, cửa sổ bằng khung sắt; 01 mái che phía trước nhà cấp 4 có diện tích 55 m², kết cấu: cột sắt tròn, khung sắt tiền chế, lợp tole; 01 mái che phía sau nhà 4 có diện tích 35 m², kết cấu: cột sắt tròn, khung sắt tiền chế, lợp tole; xung quanh mái che phía sau nhà cấp 4 rào lưới B40 có diện tích chiều dài 15,5 m, chiều cao 1,5 m (trong đó xây chân gạch cao 0,4 m); 01 nhà tạm làm chuồng nuôi gà có diện tích 59 m², kết cấu: móng xây gạch, cột gỗ, mái lợp tole, khung gỗ, nền gạch tàu; 75 cây cao su; 01 bụi chuối gồm 08 cây và 02 cây chuối riêng lẻ; 03 cây mai vàng đường kính gốc từ 05 cm đến 10 cm; 01 cây Điều; 02 cây Dừa (kèm theo sơ đồ thửa đất).

- Quyền sử dụng đất diện tích 4.219,6 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 22 do Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Quốc P và bà Nguyễn Thị X đứng tên ngày 26-5-2016; có tứ cận: Đông giáp đất ông Hoàng Văn Ước dài các đoạn 72,78 m, 29,19 m, giáp đất bà Hoàng Thị Dưỡng dài 40,29 m; Tây giáp đất bà Nguyễn Thị X được chia dài 141,77 m; Nam giáp đất ông Lê Quốc A dài các đoạn 14,65 m, 1,5 m, 15,72 m; Bắc giáp đất ông Hoàng Quốc P được chia tại thửa đất số 134 (thửa đất mới 34) dài 25,32 m, giáp đất ông Hoàng Văn Ước dài 4,57 m, tọa lạc tại ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có 192 cây cao su (kèm theo sơ đồ thửa đất).

Kiến nghị Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như bản án đã tuyên.

Buộc ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị D có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị X theo quyết định của bản án này.

2.4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Quốc P có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị X 29.430.000 đồng (hai mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chưa thi hành xong số tiền trên, thì ông P còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng, về chia tài sản chung là 37.364.000 đồng, tổng cộng là 37.664.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.925.000 đồng theo 03 biên lai số 0000184, số 0000185, cùng ngày 17 tháng 12 năm 2019 và số 0000710, ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà X còn phải nộp 28.739.000 đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Quốc P phải chịu 75.009.500 đồng (bảy mươi lăm triệu, không trăm lẻ chín nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Quốc P phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001608 ngày 18-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thúy Hằng